

Bản án số: 1078/2023/HC-PT
Ngày 27 tháng 12 năm 2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý Nhà
nước về đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 655/2023/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc khiếu kiện “Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2023/HC-ST ngày 25 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số : 2848/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà Đỗ Kiều T, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Số 268/8, khu vực 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Nơi ở hiện nay: Số 421/1, khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. **Người bị kiện:**

2.1. Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ trụ sở: Số 215 NT, phường TB, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Huỳnh Trung T, chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: số 237 đường NVC, phường AH, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Dương Thanh C, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số 142 đường BHN, phường BT, quận BT, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Người khởi kiện - Bà Đỗ Kiều T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Đỗ Kiều T và ý kiến trình bày của bà T, người đại diện theo ủy quyền của bà T trong suốt quá trình tham gia tố tụng như sau:

Vào năm 2000, bà Đỗ Kiều T có nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn T thửa đất số 331, tờ bản đồ số 35, diện tích 432m², đất tọa lạc tại ấp Lợi Nguyên B, xã An Bình, thành phố Cần Thơ nay là khu vực 2, phường A, quận N và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03682/QSDĐ ngày 13/6/2000.

Tuy nhiên, thực tế, ông Võ Văn T xin chuyển nhượng đất hết thửa cho bà với tổng diện tích là 488m². Ông T có làm biên nhận cho bà T nhưng bà làm mất nên vào năm 2013 khi làm thủ tục lên đất thổ cư, bà không được cơ quan có thẩm quyền nhập phần đất thửa này vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Nay bà yêu cầu được xem xét đền bù phần đất thửa ngoài sổ diện tích là 56m².

Phần đất thu hồi của bà bị ảnh hưởng bởi 03 dự án là: Dự án đường Trần Vĩnh Kiết, dự án đường và cầu Trần Hoàng Na, dự án khu tái định cư An Bình. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân quận N chỉ ban hành chung 01 quyết định thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường. Bà T yêu cầu tách riêng ba dự án và tiến hành các quy trình, thủ tục cũng như các vấn đề về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho từng dự án khác nhau cụ thể: Dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL Tiểu dự án thành phố Cần Thơ thuộc LIA 22 phường A, quận N; Dự án đường và cầu Trần Hoàng Na và dự án Khu tái định cư An Bình, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bà T không đồng ý về giá bồi thường đất và công trình vật kiến trúc. Cụ thể bà T yêu cầu đối với phần đất mặt tiền lộ giao thông chính có 02 căn nhà ở, bị ảnh hưởng dự án nâng cấp mở rộng đường Trần Vĩnh Kiết và dự án đường và cầu Trần Hoàng Na phải giải quyết nền tái định cư, tính theo đất đối đất, không chấp nhận mức giá đất bồi thường 3.000.000 đồng/m². Phần đất bị ảnh hưởng Dự án khu tái định cư An Bình có nhà ở mặt tiền đường Trần Vĩnh Kiết lộ giao thông chính, phải tính theo đất đối đất. Đối với hai căn nhà do công trình thi công ép cọc làm cầu Đầm Sấu bà yêu cầu bồi thường thêm 500.000.000 đồng, vì lý do đã xây móng kiên cố và sang lấp mặt bằng, cùng với đơn giá nhà, công trình vật kiến trúc mà nhà nước đã ra quyết định, tổng cộng là 1.500.000.000 đồng.

Bà T nhận thấy việc giải quyết chính sách bồi thường, hỗ trợ cho bà là chưa thỏa đáng nên bà không đồng ý giao mặt bằng và có đơn khiếu nại để được xem

xét lại nhưng Ủy ban nhân dân quận N không giải quyết mà lại tiến hành ban hành Quyết định số 3697/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 cưỡng chế thu hồi đất của bà là không đúng.

Vì vậy bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 01/08/2019 của Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ “V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà, vật kiến trúc cho bà Đỗ Kiều T ảnh hưởng dự án phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị - hạng mục Công trình xây dựng hạ tầng cơ sở khu tái định cư An Bình, phường A, quận N” (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 4228/QĐ-UBND*).

- Hủy Quyết định số 3697/QĐ-UBND ngày 09/06/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ “V/v cưỡng chế thu hồi đất” (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 3697/QĐ-UBND*).

Theo văn bản trình bày ý kiến người bị kiện thể hiện:

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 4228/QĐ-UBND:

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất quận N (nay là Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận N) có Biên bản về việc đo đạc, kiểm đếm đất nhà, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi và thu thập thông tin công trình khu tái định cư An Bình, với nội dung: Bà Đỗ Kiều T bị ảnh hưởng căn nhà, công trình, vật kiến trúc.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất quận N có Biên bản về việc triển khai và trao cho bà Đỗ Kiều T đối với Thông báo số 26/BB.HĐBT ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Hội đồng bồi thường dự án về việc kiểm tra kết quả áp giá tạm tính về đất, nhà, vật kiến trúc và hoa màu (đợt 6) công trình khu tái định cư An Bình, kết quả: Bà T không nhận thông báo và yêu cầu nâng giá bồi thường, hỗ trợ.

Theo Thông báo số 102/TB-VPUB ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Đào Anh Dũng và Công văn số 838/BQL-CSXH ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Ban Quản lý dự án ODA thành phố Cần Thơ về việc lập hồ sơ bồi thường hộ bà T cho thấy: Bà Đỗ Kiều T bị ảnh hưởng toàn bộ nhà, đất, vật kiến trúc, hoa màu để xây dựng 03 hạng mục đường Trần Vĩnh Kiết, cầu và đường Trần Hoàng Na và khu tái định cư An Bình. Căn cứ Quyết định số 7681/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 về việc thu hồi đất hạng mục xây dựng đường Trần Vĩnh Kiết và Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận N thu hồi đất của bà Đỗ Kiều T tổng diện tích đo đạc thực tế là 436m², trong đó phần đất xây dựng đường Trần Vĩnh Kiết diện tích 32,43m² CLN (có 4m² ngoài giấy chứng nhận), xây dựng khu tái định cư An Bình, dự án xây dựng đường và cầu Trần Hoàng Na với diện tích 403,57m², gồm 149,6m² (ODT) và 253,97m² (CLN), thuộc thửa đất số 331, tờ bản đồ số 35, trên Giấy chứng nhận số CH06364 ngày 15 tháng 3 năm 2014.

Bà Đỗ Kiều T được duyệt tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 2.718.413.120 đồng, gồm tiền bồi thường, hỗ trợ về đất 1.752.000.000 đồng; nhà, vật kiến trúc 935.393.120 đồng; hỗ trợ 26.020.000 đồng và thưởng 5.000.000 đồng, theo Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019 trợ hạng mục công trình khu tái định cư An Bình.

Hội đồng bồi thường dự án đã thông báo (03 đợt) đến bà Đỗ Kiều T để nhận tiền 2.718.413.120 đồng (căn cứ Thông báo số 32/TB.HĐBT ngày 02 tháng 8 năm 2019, Thông báo số 46/TB.HĐBT ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Thông báo số 44/TB.HĐBT ngày 14 tháng 11 năm 2019), nhưng đến nay, bà T chưa đồng ý nhận tiền.

Về chính sách tái định cư: Căn cứ Quyết định số 5691/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt chính sách tái định cư thì bà Đỗ Kiều T được duyệt bố trí tái định cư diện tích 149,6m². Để hỗ trợ người dân khi bị ảnh hưởng dự án (phần đất ảnh hưởng mặt tiền đường Trần Vĩnh Kiết), Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N sẽ chỉ đạo Hội đồng bồi thường dự án xem xét vị trí thuận lợi tại Khu tái định cư An Bình khi hoàn thành cơ sở hạ tầng theo Biên bản về việc tiếp công dân ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N.

Căn cứ Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định trình tự thủ tục thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà, vật kiến trúc cho bà Đỗ Kiều T với tổng số tiền là 2.718.413.120 đồng là đúng quy định.

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 3697/QĐ-UBND:

Theo Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A về việc vận động bàn giao mặt bằng và Báo cáo số 66/BC.BDAQĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận kết quả bồi thường, hỗ trợ tái định cư công trình khu tái định cư An Bình thì bà Đỗ Kiều T đã được Hội đồng bồi thường dự án đã thực hiện đúng, đầy đủ về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nhưng chưa nhận tiền và bàn giao mặt bằng dự án.

Do bà Đỗ Kiều T bị thu hồi đất và được phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nhưng bà T không nhận tiền theo quy định và đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định số 3697/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Đỗ Kiều T và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật Đất đai là đúng quy định.

Mặt khác, thời hiệu khởi kiện 01 năm đã hết theo quy định Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 nên bà Đỗ Kiều T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4228/QĐ-UBND và Quyết định số 3697/QĐ-UBND nêu trên là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Từ các cơ sở trên, Ủy ban nhân dân quận kiến nghị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét giải quyết như sau: Đình chỉ giải quyết vụ kiện của bà Đỗ Kiều T yêu cầu Tòa giải quyết hủy Quyết định số 4228/QĐ-UBND và Quyết định số 3697/QĐ-UBND, do thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và trình tự thủ tục thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng quy định pháp luật. Đồng thời, giữ nguyên các Quyết định nêu trên.

Tại Bản án số 24/2023/HC-ST ngày 25 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Kiều T về việc hủy các Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 3697/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, người khởi kiện - bà Đỗ Kiều T kháng cáo yêu cầu sửa án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đỗ Kiều T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Kiều T trình bày yêu cầu kháng cáo của bà T như sau: Bà T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 3697/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất. Lý do:

+ Bà T chưa được xét tái định cư tại chỗ, chưa ổn định được chỗ ở mà Ủy ban nhân dân buộc bà phải dời đi nơi khác là thiệt thòi cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà T;

+ Giá đền bù còn thấp và chưa đền bù đầy đủ hết diện tích thu hồi của bà T;

+ Ba dự án có giá đền bù khác nhau nên đề nghị tách 3 dự án để đền bù cho bà T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện - ông Phạm Văn Đ trình bày: Người bị kiện không đồng ý với các yêu cầu kháng cáo trên của người khởi kiện, vì:

+ Về tái định cư tại chỗ: Ủy ban nhân dân đã bố trí hai nền đất tái định cư cho bà T tại Khu dân cư An Bình là đã bố trí tái định cư tại chỗ cho bà T.

+ Giá đền bù: Ủy ban nhân dân quận N đã áp dụng theo giá Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt theo Quyết định 1022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2018 và đúng theo quy định của pháp luật đất đai.

+ Về ý kiến của người khởi kiện yêu cầu tách ra 03 dự án để áp giá đền bù: Tuy có hai hạng mục là cầu vượt và tái định cư An Bình nhưng cùng một mức giá đền bù như nhau nên nhập vào chung một quyết định không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T.

+ Do Ủy ban nhân dân đã có chính sách giải quyết đền bù, bố trí tái định cư cho bà T đầy đủ, theo đúng quy định của pháp luật và bà T đã nhận Quyết định cưỡng chế nhưng vẫn không chấp hành nên phía người bị kiện thực hiện cưỡng chế là đúng quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện tranh luận: Phần đất thu hồi có nguồn gốc bà T mua của ông Võ Văn T thực tế với tổng diện tích là 488m². Ông T có làm biên nhận cho bà T nhưng bà T đã làm thất lạc, đã trích lục nhưng chưa được. Tuy nhiên, tại Quyết định số 4228/QĐ-UBND chỉ đền bù cho bà T diện tích 436m² là chưa thỏa đáng. Bà T yêu cầu được xem xét đền bù cả đối với phần đất ngoài giấy chứng nhận diện tích là 56m².

Tuy giá bồi thường như nhau nhưng việc nhập ba dự án vào chung 01 quyết định thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường số 4228/QĐ-UBND là bất lợi cho bà T vì còn liên quan đến vấn đề hỗ trợ, khen thưởng,...cho bà T.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà T.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tranh luận:

Ngoài diện tích đất 432 m² theo Giấy chứng nhận QSDĐ, khi đo thực tế diện tích 436m², UBND cũng đã xét bồi thường trên diện tích đo thực tế là 436m².

Về việc nhập chung dự án: Vì các hạng mục có giá giống nhau, cùng chung chính sách nên tách ra cũng không có gì khác, không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T.

Về giá đền bù: UBND quận N đã áp dụng theo giá UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt theo Quyết định 1022/QĐ – UBND ngày 19/4/2018 và đúng theo qui định của pháp luật đất đai.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung:

Các quyết định hành chính bị khiếu kiện được ban hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục và về nội dung. Bản án hành chính sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người đại diện theo pháp luật của người những người bị kiện – UBND quận N, Chủ tịch UBND quận N vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Người khởi kiện – bà Đỗ Kiều T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4228/QĐ-UBND và Quyết định số 3697/QĐ-UBND. Đây là các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định 4228/QĐ-UBND việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành: Quyết định 4228/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân quận N ban hành là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Về nguồn gốc đất: Xét lời khai của các bên đương sự, phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06364 do Ủy ban nhân dân quận N cấp cho bà Đỗ Kiều T ngày 15/3/2014, có cơ sở xác định bà T là chủ sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 432m² (gồm 149,6m² ODT, 282,4m² CLN), thửa 331, tờ bản đồ số 35 theo ngày 15/3/2014.

[3.2.2] Phần đất trên của bà T bị thu hồi 02 đợt:

Đợt 1: thu hồi diện tích 32,43m² đất CLN (trong đó có 28,34m² trong GCN và 4m² ngoài GCN) để thực hiện dự án Nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL –Tiểu dự án thành phố Cần Thơ (giai đoạn II) thuộc khu L phường A, quận N (Theo quyết định thu hồi đất số 7681/QĐ-UBND ngày 24/12/2014, bà T đã bàn giao mặt bằng cho dự án). Ngày 24/12/2014 Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 7753/QĐ-UBND chỉ phê duyệt kinh phí bồi thường về nhà, vật kiến trúc cho bà T

với số tiền là 40.645.100 đồng, chưa phê duyệt kinh phí bồi thường về đất bị ảnh hưởng dự án.

Đợt 2: Thu hồi diện tích 403,57m² (gồm 149,6m² ODT, 253,97m² CLN) để thực hiện dự án công trình khu tái định cư A (Theo Quyết định thu hồi đất số 4230/QĐ-UBND).

[3.2.3] Ngày 01/8/2019, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định 4228 phê duyệt tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà T là 2.718.413.120 đồng. Trong đó: Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất là 1.752.000.000 đồng (kinh phí bồi thường hỗ trợ về đất bà T bị ảnh hưởng dự án đường T đã bị thu hồi đất vào năm 2014 là 92.490.000 đồng); kinh phí bồi thường, hỗ trợ về nhà và vật kiến trúc là 935.393.120 đồng; kinh phí hỗ trợ: 26.020.000 đồng; chi phí khen thưởng: 5.000.000 đồng.

[3.2.4] Về giá đất: Xét kháng cáo của bà T và ý kiến đề nghị của luật sư cho rằng Ủy ban nhân dân quận N áp giá đất đền bù thấp, không phù hợp qui định của pháp luật nên đề nghị huỷ Quyết định 4228/QĐ-UBND, thấy rằng: Ủy ban nhân dân quận N căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá đất số 1022/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C để ban hành Quyết định 4228/QĐ-UBND tính giá đất bồi thường cho bà T đối với đất ở là 6.000.000 đồng/m², đất cây lâu năm là 3.000.000 đồng/m² với tổng số tiền bồi thường về đất là 1.752.000.000 đồng là trên cơ sở giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất theo qui định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 và đúng với vị trí đất, loại đất và diện tích đất bị thu hồi.

Đối với phần diện tích 32,43m² bà T đã bàn giao mặt bằng cho dự án vào năm 2014. Tuy nhiên, đây là phần đất hộ dân đã hiến đất cho công trình đường C nay bà T bị ảnh hưởng toàn bộ nhà và đất công trình khu tái định cư A. Do đó, UBND quận N xem xét bồi thường hỗ trợ phần diện tích đất đã hiến này theo Quyết định 4228/QĐ-UBND là đã đảm bảo quyền lợi và có lợi cho bà T.

Như vậy, bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu này của bà T là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, phía bà T cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo nêu trên của bà T.

[3.2.5]. Xét kháng cáo của bà T và đề nghị của luật sư yêu cầu bồi thường cho bà T1 diện tích đất ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 36m² do nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn T: Xét thấy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/5/2000 giữa bà T với ông Võ Văn T chỉ thể hiện diện tích đất chuyển nhượng là 379m², qua đo đạc hiện trạng thực tế ngày 24/5/2000 thể diện tích là 432m² và bà T cũng đã được Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03682, ngày 13/6/2000 với diện tích 432m², loại đất LNK. Sau đó, Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 06364 ngày 15/3/2014 cũng với diện tích 432m² gồm 149,6m² đất ở tại đô thị và 282,4m² đất trồng cây lâu năm. Tại Quyết định 4228/QĐ-UBND đã xét bồi thường cho bà T diện tích đất 436m²

(có 4m² ngoài giấy chứng nhận QSDĐ). Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo trên của bà T.

[3.2.6]. Về việc bà T yêu cầu được giải quyết nền tái định cư tại chỗ : Xét thấy bà T bị ảnh hưởng đất ở 149,6m² và đã được xem xét giải quyết tái định cư tại Quyết định số 5691/QĐ - UBND ngày 08/10/2019 của Ủy ban nhân dân quận N bố trí tái định cư cho bà T với diện tích 149,6m² ODT là đúng với quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, yêu cầu của bà T được giải quyết thêm một nền tái định cư tại chỗ là không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3697/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định 3697: Quyết định 3697 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT- BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T3.

[4.2] Về nội dung: Ngày 01/8/2019, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 thu hồi đất của T để thực hiện dự án công trình khu tái định cư A. Đồng thời, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định 4228 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà, công trình vật kiến trúc cho bà T. Ủy ban nhân dân quận N đã nhiều lần gửi Thông báo đề nghị bà T nhận tiền nhưng bà T không đồng ý nhận và cũng không hợp tác ký tên vào biên bản.

Ngày 20/02/2020, ngày 28/8/2020 Ủy ban nhân dân quận N thành lập hội đồng vận động thuyết phục bà Đỗ Kiều T nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho dự án nhưng bà T vắng mặt (BL 23, 144)). Ngày 06/3/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N tổ chức tiếp công dân bà Đỗ Kiều T nhưng bà vẫn không đồng ý về giá bồi thường, chính sách tái định cư. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013 khoản 4 Điều 67; điểm d khoản 3 Điều 69; Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 6 Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[5] Từ sự phân tích tại các mục [2] đến mục [4.2], xét thấy Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2023/HC-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Kiều T về việc hủy Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 3697/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Tại cấp phúc thẩm, phía bà T không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà T. Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật, cần giữ nguyên.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 4228/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với chứng cứ và nhận định trên của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị phát sinh hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Kiều T, giữ nguyên Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 24/2023/HC-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

1.1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Kiều T về việc hủy Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 3697/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

1.2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện bà Đỗ Kiều T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001513 ngày 22/12/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Sau khi khấu trừ, bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đỗ Kiều T phải chịu án phí hành phúc thẩm 300.000đ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001900 ngày 07/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cần Thơ. Sau khi khấu trừ, bà T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị phát sinh hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Dương (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu: hồ sơ (1), VP(4), 13b (PQH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa